

Số: 65/2022/QĐST- HNGĐ

H, ngày 08 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
ĐÌNH CHỈ YÊU CẦU GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN GIA ĐÌNH

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN H - THÀNH PHỐ H

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 554/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2022 về việc “ Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” giữa người yêu cầu:

- Anh Tổng Kiên T- sinh năm 1982

- Chị Bùi Ngọc M– sinh năm 1982

Cùng HKTT: Đội 1, xã T, huyện T, thành phố H.

Cùng chỗ ở: Căn hộ 520 HH2B L, phường H, quận H, thành phố H.

Xét thấy: Ngày 08/9/2022 người yêu cầu Anh Tổng Kiên T và Chị Bùi Ngọc M cùng có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn.

Căn cứ vào các điều 48, 218, 361, điểm c khoản 2 Điều 366, Điều 371 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 18 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Đình chỉ việc xét đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự thụ lý số: 554/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2022 về việc “ Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”

Điều 2: Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết việc hôn nhân gia đình:

- Người yêu cầu có quyền khởi kiện lại vụ việc theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về lệ phí: Sung vào công quỹ Nhà nước 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng lệ phí chị Bùi Ngọc M đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0050412 ngày 28/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận H, thành phố H.

Điều 3. Người yêu cầu có quyền kháng cáo trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có

quyền kháng nghị quyết định trong thời hạn 7 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Viện kiểm sát cùng cấp nhận được quyết định.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hồng T

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 45-DS:

- (1) Ghi tên Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự; nếu Tòa án ra quyết định là Tòa án nhân dân cấp huyện cần ghi rõ tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh Thanh Hoá). Nếu Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh, (thành phố) nào (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố H).
- (2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: số 02/2017/QĐST- KDTM).
- (3) Ghi cụ thể lý do của việc đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thuộc trường hợp nào quy định tại Điều 217 hoặc các điều luật khác của Bộ luật tố tụng dân sự (ví dụ: xét thấy nguyên đơn là cá nhân đã chết mà quyền, nghĩa vụ của họ không được thừa kế quy định tại điểm a khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự).
- (4) Ghi số, ngày tháng năm thụ lý vụ án (ví dụ: số 50/2017/TLST-KDTM).
- (5) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: “tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân”).
- (6), (7) và (8) Nếu nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cá nhân, thì ghi họ tên và địa chỉ của cá nhân đó; nếu là cơ quan, tổ chức, thì ghi tên, địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó (ghi theo đơn khởi kiện).
- (9) Tùy vào từng trường hợp đình chỉ vụ án cụ thể mà ghi hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án quy định tại Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự, (kể cả về tiền tạm ứng án phí).
- (10) Tùy từng trường hợp cụ thể mà ghi tên cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện (nếu có).

